

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2017/HSST
Ngày 18 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông: Bùi Minh Cảnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Lư Quốc Thịnh, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/TLST-HS ngày 10/7/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; trú tại: ấp N, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 1/12; con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1942 (còn sống) và bà: Lý Thị Q, sinh năm 1947 (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 14/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 24/02/2016 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích; bị cáo bị tạm giam tại nhà Tạm giữ - Công an huyện An Biên từ ngày 05/5/2017 cho đến nay (có mặt).

- Người bị hại:

1- Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1991.

Trú tại: Ấp T, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Anh Trần Nhựt L, sinh năm 1994.

Trú tại: Ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ ngày 24/3/2017, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà đến ấp T. 3, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang, nhằm mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Đến khoảng 03 giờ ngày 25/3/2017, khi đến nhà của chị Nguyễn Thị Mộng N thì T phát hiện nhà của chị N đang xây dựng không hàng rào, không cửa, không người trông giữ nên T lén lút đi vào nhà, T nhìn thấy cửa phòng ngủ khép hờ nên T mở cửa đi vào phòng, T mở ngăn tủ nhựa lục cái ví lấy số tiền 2.000.000đ để vào túi quần. Lúc này, T nhìn thấy có 01 điện thoại di động đang sạc pin để trên tủ sách nên T dùng tay gỡ lấy điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng loại cảm ứng, trị giá theo kết luận định giá là 1.200.000đ để vào túi quần. Liên lúc đó chị N phát hiện truy hô, T bỏ chạy về hướng T, thị trấn T, rồi Triều đi bộ về nhà. Đến khoảng 03 ngày hôm sau, T mang chiếc điện thoại lấy trộm bán cho Nguyễn Văn Đ, địa chỉ ấp N, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang được số tiền 700.000đ. Số tiền trộm được và bán điện thoại T đã chi xài mục đích ăn nhậu hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 0 giờ ngày 25/4/2017, Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà đến ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang nhằm tìm tài sản không người trông coi để lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, T đi bộ đến nhà của Trần Nhựt L, T đột nhập vào nhà bằng cửa sổ (làm bằng tre) nhà sau, T mở cửa tủ gỗ, lục ví lấy số tiền 1.100.000đ, rồi tiếp tục lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, trị giá theo kết luận định giá là 5.391.000đ, đang sạc pin để trong phòng ngủ. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đi bộ về nhà, số tiền trộm được T chỉ xài vào việc ăn nhậu hết, còn điện thoại T mở mật mã sử dụng cá nhân. Đến ngày 05/5/2017, khi T đang cất giữ điện thoại lấy trộm được trong người thì bị Công an huyện An Biên bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã thu giữ vật chứng và đã trả lại cho anh Trần Nhựt L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen, màn hình cảm ứng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã thỏa thuận và bồi thường xong cho người bị hại Trần Nhựt L với số tiền là 1.100.000đ và đã thỏa thuận bồi thường cho người bị hại Nguyễn Thị Mộng N số tiền là 3.200.000đ nhưng chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS, ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 138 và áp dụng các tình tiết

tăng nặng phạm tội nhiều lần, tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại Trần Nhật L với số tiền là 1.100.000đ, nay anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền theo thỏa thuận là 3.200.000đ.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn Đ mua điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn T trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận bản Cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng. Cụ thể như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 25/3/2017, Nguyễn Văn T lợi dụng đêm khuya lén lút vào nhà của chị Nguyễn Thị Mộng N, tại ấp T. 3, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang lấy trộm số tiền 2.000.000đ và 01điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng, loại cảm ứng, trị giá theo kết luận định giá là 1.200.000đ. Khoảng 0 giờ ngày 25/4/2017 Nguyễn Văn T tiếp tục vào nhà của anh Trần Nhật L, tại ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang lấy trộm số tiền 1.100.000đ và 01điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, trị giá theo kết luận định giá là 5.391.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, đã có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lẽ ra khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về gia đình phải biết chí thú làm ăn chân chính nhưng ngược lại bị cáo có tính chất lười biếng lao động muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải bỏ ra công sức lao động và xem thường pháp luật từ đó bị cáo lợi dụng đêm khuya và thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi lấy trộm tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền 2.000.000đ và 01điện thoại di động hiệu OPPO, theo kết luận định giá số 12/KL-HĐĐG, ngày 12/5/2017 trị giá là 1.200.000đ và của anh Trần Nhật L số tiền 1.100.000đ và 01điện thoại di động hiệu Samsung, theo kết luận định giá số 11/KL-HĐĐG, ngày 12/5/2017 trị giá là 5.391.000đ. Do đó, cần áp dụng các tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội nhiều lần, tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo thật nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên xét về nhân thân của bị cáo sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình trước đây, tỏ ra biết ăn năn hối cải, mẹ của bị cáo là người có công cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến và bị cáo cùng gia đình đã bồi thường xong cho người bị hại anh Trần Nhật L số tiền 1.100.000đ nhằm khắc phục một phần hậu quả do bị cáo gây ra, đồng thời người bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46 năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về mức hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Biên đã trả cho người bị hại anh Trần Nhật L 01điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại Trần Nhật L với số tiền là 1.100.000đ, nay anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại Nguyễn Thị Mộng N là bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền là 3.200.000đ (trong đó số tiền là 2.000.000đ và 01 điện thoại di động trị giá 1.200.000đ).

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường với nhau trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn Đ mua điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn T trộm được nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xem xét.

Xét về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận như đã nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày 05/5/2017.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại anh Trần Nhật L với số tiền là 1.100.000đ (một triệu một trăm ngàn đồng). Nay anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại Nguyễn Thị Mộng N là bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Nhi có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T chưa bồi hoàn số tiền cho chị N thì bị cáo T còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo và người bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường với nhau trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo và người bị hại anh L có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/8/2017). Đối với chị N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh;
- NTG, CA huyện An Biên;
- THA huyện;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Tâm